TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2019
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Ngày **25** tháng **03** năm **2019,** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 33/2019/TLST–HNGĐ ngày 25/02/2019 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐHPT – HNGĐ ngày 20/3/2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị NTT, sinh năm 1992.
**** Bị đơn:*** Anh HSC, sinh năm 1989.
Đều ĐKKHKTT và cư trú: thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.
Tại phiên tòa: Có mặt chị NTT. Vắng mặt anh HSC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, bản khai và lời trình bày tại buổi hòa giải. Nguyên đơn - chị NTT trình bày:*

Về hôn nhân: Chị NTT và anh HSC kết hôn năm 2015 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội vào ngày 03/11/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T + anh C chung sống tại gia đình nhà anh C tại thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh C nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau. Tháng

06/2018, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ để ở và vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh C nên chị T cương quyết xin ly hôn anh C để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị NTT và anh HSC không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị NTT và anh HSC không có tài sản chung, công nợ chung, công sức và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản ghi lời khai anh** HSC **trình bày:***

Về hôn nhân: Anh HSC thừa nhận về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị NTT trình bày. Theo anh HSC, quá trình chung sống vợ chồng chung sống với nhau bình thường, chỉ có một vài mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm sống nhưng không lớn, anh C không bao giờ to tiếng, chửi bới hay đánh đập chị T. Khoảng tháng 7/2018 khi anh C đi làm ăn xa trong Miền Nam thì chị T ở nhà một mình có xin bố mẹ anh C được về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ để ở chứ anh C và gia đình không đánh đuổi chị T, khi về nhà bố mẹ đẻ thì chị T không quay lại nhà anh nữa. Anh và chị T ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Anh C cũng đã đến nhà bố mẹ chị T để thuyết phục chị T quay về nhưng chị T không đồng ý.

Nay chị T xin ly hôn, anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh C không đồng ý ly hôn mà muốn được đoàn tụ với chị T. Nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh C thừa nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh C thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ, công sức nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến của ông** HSN **là bố đẻ anh** HSC**. Ông** HSN **trình bày: Anh C và chị T kết hôn năm 2015. Sau khi kết hôn anh C và chị T chung sống tại nhà ông N. Quá trình chung sống giữa anh C và chị T bình thường không có mâu thuẫn. Khoảng tháng 5/2018 có lần anh C uống rượu say về muộn nên hai vợ chồng có nói nhau và không ngủ chung với nhau. Sau đó anh C đi miền Nam làm ăn, chị T ở nhà có xin với vợ chồng ông N cho về nhà mẹ đẻ một vài ngày, vợ chồng ông N đồng ý nhưng chị T về không quay lại nữa. Tết năm 2019 chị T có về thăm nhà nhưng một lúc lại đi. Vợ chồng ông N đã nhiều lần đến nhà chị T để khuyên bảo nhưng chị T không đồng ý quay về với anh C và không về nhà ông N nữa. Nay chị T xin ly hôn với anh C thì quan điểm của ông N là tùy ý chị T và anh C vì chị T và anh C đều đã trưởng thành.

**** Tại đơn đề nghị đề ngày 15/3/2019, bố mẹ đẻ chị** NTT **là ông** NCL**, bà** TTK**gửi Tòa án trình bày:*** Ông L, bà K thừa nhận về thời điểm kết hôn, nơi vợ chồng chị T + anh C chung sống sau khi kết hôn như chị NTT trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng do chị T lấy chồng từ năm 2015 đến nay vẫn chưa có con nên cuộc sống vợ chồng cũng như cuộc sống của chị T tại gia đình nhà chồng có nhiều vấn đề nảy sinh. Từ đó dẫn đến cuộc sống của chị T không có hạnh phúc và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Nay chị T xin ly hôn, bản thân Ông L, bà K luôn mong muốn các con hạnh phúc nhưng không được theo ý muốn. Nay chị T đã trưởng thành và chị T cương quyết xin ly hôn với anh C thì ông bà cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn để chị T ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị NTT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh HSC. Bị đơn anh HSC vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – chị NTT chấp hành đúng qui định của pháp luật; Bị đơn – anh HSC chưa chấp hành đầy đủ qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTT và cho chị NTT được ly hôn anh HSC; *Về con chung:* Do chị NTT và anh HSC không có con chung nên đề nghị không xem xét *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh HSC hiện thường xuyên cư trú tại thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh HSC đều vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án. Tại phiên tòa ngày 20/3/2019 anh C vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 25/3/2019. Tại

phiên tòa ngày 25/3/2019, anh C vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Tòa án xét xử vắng mặt anh HSC.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị NTT và anh HSC kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống, giữa chị T và anh C có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh C đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Nay chị T xin ly hôn với anh C, anh C mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Chị T đã được Tòa án cho biết nguyện vọng xin được đoàn tụ của anh C nhưng chị T cương quyết xin ly hôn với anh C. Bố mẹ chị T cũng đồng ý với quan điểm của chị T và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh C. Xét việc đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc giữa chị T và anh C cần có tình cảm xuất phát từ hai phía, nhưng nay chị T cương quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn anh C để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị NTT và anh HSC đều thừa nhận không có con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị NTT và anh HSC đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị NTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị NTT được ly hôn anh HSC.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị NTT phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị NTT đã nộp **300.000** đồng *(theo Biên lai thu tiền*

tạm ứng án phí số AA/2015/0003806 ngày 20 tháng 02 năm 2019) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị NTT có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh HSC có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *UBND xã N, huyện Chương Mỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long